

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên môn học (tiếng Việt): **Ngôn ngữ học tri nhận**

Tên môn học (tiếng Anh): **Cognitive Linguistics**

Danh mã môn học:

Thuộc khối kiến thức: Cơ sở (tự chọn)

Khoa/Bộ môn quản lý: Ngoại ngữ

Giảng viên phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ

Điện thoại: 0918025951

Email: vunn@huflit.edu.vn

Giảng viên khác: TS. Bùi Phú Hưng

TS. Huỳnh Văn Tài

Môn học trước: Không

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về phương pháp luận của ngôn ngữ học tri nhận. Các nội dung chính bao gồm: mối quan hệ giữa ngôn ngữ và cấu trúc ý niệm, lý thuyết điển dạng, ngữ nghĩa học tri nhận, khung ngữ nghĩa, ngữ pháp tri nhận, ẩn dụ ý niệm và hoán dụ ý niệm. Sinh viên được cung cấp kiến thức để có thể giải thích các hiện tượng ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng mà ngôn ngữ học cấu trúc truyền thống không giải thích được.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Mục tiêu	Mô tả
1	Nắm vững các nguyên lý và khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận

Mục tiêu	Mô tả
2	Giải thích được cơ chế ý niệm hóa các khái niệm về thế giới xung quanh trong ngôn ngữ.
3	Vận dụng được kiến thức đã học để giảng dạy, giải thích hiệu quả các hiện tượng và cấu trúc ngôn ngữ phức tạp

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA MÔN HỌC

CĐR-MH	CĐR của CTĐT	Mô tả CĐR-MH	Mức độ giảng dạy
CLO1	PLO1	Sử dụng được các khái niệm cơ bản trong phân tích ngôn ngữ như phạm trù hóa, khung ngữ nghĩa, điển dạng, ẩn dụ, hoán dụ ý niệm.	I
CLO2	PLO11, PLO12	Sử dụng cơ sở dữ liệu từ vựng ngữ nghĩa như WordNet và FrameNet với kiến thức về mặt mạnh và mặt yếu của các lý thuyết cơ bản được sử dụng cho 2 hệ thống này	T&U
CLO3	PLO3	Phản biện và đánh giá được các loại ẩn dụ ý niệm và hoán dụ ý niệm	T&U
CLO4	PLO11	Phân tích được các biểu ngữ, đoạn và câu bằng lý thuyết của ngôn ngữ học tri nhận	T&U
CLO5	PLO10, PLO4, PLO8	Tham gia tích cực và độc lập vào các cuộc thảo luận hội thảo bằng cách trình bày các bài tập nghiên cứu về ngôn ngữ học tri nhận	U

I – Giới thiệu (Introduction); T – Giảng dạy (Teach); U - Ứng dụng (Utilize)

CLO (Course Learning Outcomes) - PLO (Program Learning Outcomes)

5. NỘI DUNG, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi	Nội dung	CĐRMH	Hoạt động (giảng, trao đổi, thảo luận, thuyết trình)	Thành phần Đánh giá
Buổi 1: Số tiết: 5	Giới thiệu môn học. Các nguyên tắc của ngôn ngữ học tri nhận: nguyên tắc khái quát hóa (generalization commitment), nguyên tắc tri nhận (cognitive commitment),	CLO1	- Giảng dạy, thảo luận với các ví dụ.	A2

Buổi	Nội dung	CĐRMH	Hoạt động (giảng, trao đổi, thảo luận, thuyết trình)	Thành phần Đánh giá
	nguyên tắc dĩ nhân vi trung (the embodied mind). Tiếp cận ngữ nghĩa và ngữ pháp từ góc độ tri nhận			
Buổi: 2 Số tiết: 5	Khái quát ngữ nghĩa học tri nhận (Cognitive Semantics): Nguyên lí, phương pháp và đối tượng nghiên cứu; Sự khác biệt giữa ngữ nghĩa học tri nhận và ngữ nghĩa học truyền thống	CLO1, CLO3	- Giảng dạy, thảo luận với các ví dụ.	A2
Buổi: 3 Số tiết: 5	Hiện tượng dĩ nhân vi trung trong ngôn ngữ (embodiment) và các cấu trúc ý niệm (conceptual structure); Lược đồ hình ảnh (image schema): các thuộc tính cơ bản của lược đồ, quan hệ giữa lược đồ hình ảnh và ngữ nghĩa	CLO1, CLO5	- Giảng dạy, thảo luận với các ví dụ. - Thảo luận, thuyết trình, phản biện theo nhóm.	A2
Buổi: 4 Số tiết: 5	Quan điểm bách khoa toàn thư về ngữ nghĩa: nghĩa từ điển và nghĩa bách khoa toàn thư; lý thuyết khung ngữ nghĩa (semantics frame) của Fillmore; thuyết miền ý niệm (domains)	CLO2, CLO4	- Giảng dạy, thảo luận với các ví dụ.	A2
Buổi 5: Số tiết: 5	Các mô hình tri nhận lý tưởng hóa (idealised cognitive models) và thuyết điển dạng (prototype theory)	CLO4, CLO5	- Giảng dạy, thảo luận với các ví dụ. - Thảo luận, thuyết trình, phản biện theo nhóm.	A2
Buổi 6: Số tiết: 5	Ân dụ ý niệm: chiếu xạ ý niệm, miền ý niệm nguồn và miền ý	CLO3, CLO5	- Giảng dạy, thảo luận với các ví dụ.	A2

Buổi	Nội dung	CĐRMH	Hoạt động (giảng, trao đổi, thảo luận, thuyết trình)	Thành phần Đánh giá
	niệm đích, hiện tượng chiếu xạ và làm nổi miền ý niệm Hoán dụ ý niệm: Hoán dụ ý niệm tuyến tính, hoán dụ ý niệm tiếp hợp, hoán dụ ý niệm bao gộp Ranh giới giữa ẩn dụ và hoán dụ ý niệm		- Thảo luận, thuyết trình, phản biện theo nhóm.	
Buổi: 7 Số tiết: 5	Các không gian tinh thần (mental spaces) và việc tạo lập ngữ nghĩa (meaning construction) trong ngữ nghĩa học tri nhận	CLO1, CLO4	- Giảng dạy, thảo luận với các ví dụ.	A2
Buổi: 8 Số tiết: 5	Các lý thuyết tri nhận về ngữ pháp: "Mô hình hệ thống cấu trúc ý niệm" của Talmy và lý thuyết ngữ pháp tri nhận của Langacker	CLO1, CLO4, CLO5	- Giảng dạy, thảo luận với các ví dụ. - Thảo luận, thuyết trình, phản biện theo nhóm.	A2
Buổi 9: Số tiết: 5	Một số phạm trù ngữ pháp tri nhận: Từ loại, các quan hệ thời gian và không gian, cấu trúc ngữ, cấu trúc mệnh đề	CLO1, CLO5	- Giảng dạy, thảo luận với các ví dụ.	A2

6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

Thành phần đánh giá	CĐR-MH	Tỷ lệ (%)
A1. Điểm chuyên cần	CLO5	10
A2. Điểm quá trình (tham gia hoạt động nhóm, bài tập nhóm, thuyết trình, phản biện)	CLO5	30
A3. Điểm đánh giá tiểu luận kết thúc học phần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	60
Tổng cộng		100

7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC

Học viên có trách nhiệm tham dự lớp học, tham gia phát biểu, trao đổi và thảo luận các vấn đề, tình huống quản trị được đưa ra trong giờ học và nghiên cứu các tài liệu theo sự hướng dẫn của giảng viên. Học viên chỉ được đánh giá kết thúc học phần khi đảm bảo ít nhất 75% số giờ lên lớp theo quy định của học phần.

Khi điều kiện về học liệu trên hệ thống LMS được đáp ứng, giảng viên có thể tổ chức dạy trực tuyến môn học này với tỉ lệ học online là 30%.

8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

8.1. Giáo trình

- [1]. Evans, V., and Green, M. (2006). *Cognitive Linguistics: An Introduction*. Edinburgh: Edinburgh University Press.
- [2]. Geeraerts, D. (2006). *Cognitive Linguistics: Basic Readings*. New York: Mouton de Gruyter.
- [3]. Langacker, R. W. (2008). *Cognitive Grammar: A Basic Introduction*. Oxford: Oxford University press.

8.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Boers, F., and Lindstromberg, S. (2008). *Cognitive Linguistic Approaches to Teaching Vocabulary and Phraseology*. New York: Mouton de Gruyter.
- [2]. Croft, W., and Cruse, D. A. (2004). *Cognitive Linguistics*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [3]. Fauconnier, G. (1985). *Mental Spaces: Aspects of Meaning Construction in Natural Language*. London: MIT Press.
- [4]. Kovecses, Z. (1986). *Metaphors of Anger, Pride and Love: A lexical Approach to the Structure of Concepts*. Philadelphia: John Benjamins.
- [5]. Lakoff, G. (1987). *Women, fire and dangerous things: What categories reveal about the mind*. Chicago: University of Chicago Press.
- [6]. Lakoff, G., and Johnson, M. (1980). *Metaphor We Live By*. Chicago: The University of Chicago Press.
- [7]. Langacker, R. (1987). *Foundations of Cognitive Grammar: Theoretical Prerequisites*. Stanford: Stanford University Press.
- [8]. Rudzka-Ostyn, B. (1998). *Topics in Cognitive Linguistics*. Philadelphia: John Benjamins Publishing Company.

[9]. Taylor, J. R. (1989). *Linguistic categorization: Prototypes in linguistics theory*. Oxford: Oxford University Press.

[10]. Wierzbicka, A. (1997). *Understanding cultures through their key words*. Oxford: Oxford University Press.

GIẢNG VIÊN

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN